

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI QUAN HỆ LỢI ÍCH TRONG LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ TRONG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

1. Sự phát triển của hoạt động sáng tạo của quốc gia

Quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ tồn tại và phát triển gắn bó mật thiết với tài sản trí tuệ và lợi ích từ các tài sản đó. Tài sản trí tuệ lại là kết quả trực tiếp của hệ thống sáng tạo. Do đó, sự phát triển và hiệu quả hoạt động của hệ thống sáng tạo là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp tới sự hình thành của hệ thống quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ.

Trình độ phát triển của quan hệ lợi ích thể hiện ở tính hoàn thiện về cấu trúc chủ thể cũng như hệ thống các nhân tố tác động hình thành quan hệ. Một hệ thống quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ hoàn thiện phải phản ánh được sự phân phối lợi ích hợp lý, rõ ràng giữa các chủ thể sở hữu, chủ thể sử dụng, chủ thể sáng tạo, trong đó bao gồm cả các chủ thể nước ngoài. Lợi ích của các chủ thể đó được bảo đảm và bảo hộ hiệu quả.

Để nâng cao trình độ sáng tạo của một quốc gia, đòi hỏi không chỉ thời gian mà còn cần nhiều nguồn lực, trong khi đa số các nước đang phát triển lại có nguồn lực hạn chế, nhất là nguồn lực tài chính. Mặc dù vậy, xét về dài hạn, đây vẫn là điều kiện có vai trò quyết định đến khả năng khai thác lợi ích từ hệ thống quan hệ lợi ích sở hữu trí tuệ thế giới hiện nay.

2. Điều kiện, hoàn cảnh lịch sử, xã hội

Quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ hình thành khách quan, nhưng được xác lập bởi con người, chịu tác động bởi hoàn cảnh, điều kiện cụ thể của hoạt động sản xuất - kinh doanh và sinh tồn. Lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ bao gồm cả lợi ích kinh tế và lợi ích tinh thần có được từ việc khai thác tài sản trí tuệ. Một mặt, việc khai thác này được đặt trong điều kiện kinh tế - xã hội và những quy tắc xử sự của xã hội - những quy tắc này được chế định bởi điều kiện, hoàn cảnh xã hội tương ứng. Mặt khác, cách thức thực hiện lợi ích cũng phải thể hiện sự tương thích với điều kiện xã hội. Hoàn cảnh xã hội nào cách thức thực hiện lợi ích đó.

3. Sự phát triển trình độ quản lý xã hội của Nhà nước

Phát triển về kỹ năng quản trị quốc gia thể hiện cơ chế điều chỉnh và việc hoạch định chiến lược về sở hữu trí tuệ. Kỹ năng quản trị quốc gia tác động đến

sự phát triển lành mạnh của quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ thông qua các cơ chế điều chỉnh mà quan hệ lợi ích được tạo điều kiện để thúc đẩy phát triển, trước hết là sự lành mạnh trong việc phân phối lợi ích giữa chủ thể sở hữu và chủ thể sáng tạo tài sản trí tuệ. Một quốc gia muốn khai thác và phát huy lợi thế của bất kỳ hình thái quan hệ lợi ích nào cũng phải có tầm nhìn tổng thể dài hạn và được định vị những mục tiêu rõ ràng thông qua chiến lược quốc gia về sở hữu trí tuệ được hoạch định một cách chủ động từ phía Nhà nước. Thiếu tầm nhìn chiến lược tất sẽ dẫn đến hệ lụy bị động và thua thiệt trong “thế cuộc” toàn cầu hoá về kinh tế hiện nay.

Sự phát triển của các thể chế liên quan đến lĩnh vực sở hữu trí tuệ: Kỹ năng quản trị quốc gia của Nhà nước còn thể hiện ở sự minh bạch về trách nhiệm và khả năng điều phối sự hợp tác giữa các thể chế tổ chức liên quan tới việc thực thi bảo hộ sở hữu trí tuệ. Từ đó, tác động tới lợi ích của các chủ thể trong quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Quan hệ giữa các cơ quan này là nhằm thực hiện lợi ích cho các bên trong quan hệ lợi ích về sở hữu trí tuệ.

4. Đặc trưng truyền thống văn hoá, tập quán của dân tộc, nhận thức của nhân dân

Đặc trưng truyền thống văn hoá tác động đến tâm lý, trình độ văn minh trong nhận thức của dân chúng về quyền và nghĩa vụ công dân đối với xã hội và với các chủ thể chung quanh. Trong xã hội mà dân chúng có nhận thức về sự tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, đồng thời biết cách bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, thì sẽ hạn chế được những xung đột về mặt lợi ích giữa các thành viên thuộc xã hội đó. Lĩnh vực sở hữu trí tuệ cũng vậy. Nhận thức của các chủ thể sáng tạo và sử dụng trong nước về việc phải bảo vệ lợi ích từ tài sản trí tuệ của mình và tôn trọng lợi ích chính đáng của người khác trong những điều kiện hoàn cảnh nhất định có ý nghĩa quan trọng trong việc minh bạch hoá quan hệ và do đó xây dựng hệ thống quan hệ lợi ích hoàn thiện. Dù có chiến lược hay chính sách đúng nhưng nhân dân không thực hiện thì không bao giờ chiến lược và chính sách đó phát huy được lợi thế trong cuộc sống. Tâm lý tiểu nông của một quốc gia nông nghiệp trình độ thấp cũng sẽ ảnh hưởng không tốt tới sự phát triển lành mạnh của quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Kiểu tư duy ngắn hạn ở sự tùy tiện trong hành xử về vấn đề lợi ích là đặc trưng điển hình của tâm lý tiểu nông, sản xuất nhỏ. Kiểu tâm lý này là

trở ngại lớn cho việc xây dựng một hệ thống quan hệ lợi ích văn minh trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ trong nền kinh tế thị trường và sự phát triển của kinh tế tri thức. Sự tùy tiện không tạo ra thói quen tôn trọng lợi ích của người khác sẽ ảnh hưởng xấu đến cách thức phân bổ lợi ích giữa các chủ thể trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Đây là một trong các nguyên nhân gây ra tình trạng hàng giả, hàng nhái, kinh doanh chộp giật, bất chấp lợi ích chính đáng của các chủ thể sáng tạo và sở hữu tài sản trí tuệ trong các nước nông nghiệp kém phát triển.

5. Sự phát triển của nền kinh tế thị trường của quốc gia

Quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ hiện nay ở trong điều kiện kinh tế thị trường hiện đại thuộc trình độ văn minh hậu công nghiệp của nhân loại, do đó khác với kiểu quan hệ trong nền công nghiệp cơ khí và kinh tế thị trường cổ điển. Những quan hệ trong nền kinh tế thị trường phát triển thể hiện ở sự minh bạch hoá thông tin và do đó quyền lợi cũng như trách nhiệm của các chủ thể trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ được thị trường hoá theo khuôn khổ luật pháp, theo đó bảo đảm sự phân bổ tài sản trí tuệ một cách tối ưu vào các lĩnh vực của đời sống xã hội, đồng thời phân bổ hợp lý lợi ích giữa các chủ thể. Trong điều kiện kinh tế thị trường phát triển thấp, sự xung đột về lợi ích là rất khó hạn chế, sự hỗn loạn trong các quan hệ kinh tế là điều kiện tốt cho các quan hệ lợi ích kém lành mạnh trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ phát sinh, đe dọa đến động lực của hệ thống sáng tạo và phúc lợi xã hội. Xung đột lợi ích có thể xảy ra trong bất kỳ mối quan hệ nào giữa các chủ thể trong quan hệ lợi ích. Tuy nhiên, dưới hình thức cụ thể có thể thấy được các xung đột lợi ích như:

a) Ăn cắp và vi phạm bản quyền tác giả:

Ăn cắp bản quyền tác giả là hành vi trái phép được tiến hành vì lợi nhuận kinh doanh. Hiện tượng này thường được tiến hành một cách có tổ chức. Hành vi này không chỉ dừng lại ở việc sao chép bất hợp pháp mà còn thực hiện phân phối các sản phẩm có được bởi sự sao chép đó ra thị trường nhằm thu lợi nhuận. Việc này đòi hỏi một mạng lưới phân phối có tổ chức với những người mua tiềm năng. Đối với người mua thì thường chỉ thấy được mắt xích cuối cùng của hệ thống này. Trước đó đã có những quan hệ bất hợp pháp chằng chịt giữa các chủ thể phi pháp. Tuy nhiên, để xử lý được việc này là vô cùng khó. Hiện tượng này nếu trở thành phổ biến sẽ làm thiệt hại lợi ích của xã hội và không khuyến khích sáng tạo, do đó ảnh hưởng tiêu cực tới phát triển. Ảnh hưởng tiêu

cực của hiện tượng ăn cắp bản quyền là đe dọa, làm vô hiệu, phủ nhận tiến trình hài hoà hoá lợi ích giữa các chủ thể mà hệ thống bản quyền hướng tới.

b) Xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với các sáng chế:

Trường hợp này xảy ra khi một chủ thể không thực hiện nghiên cứu sáng tạo nhưng lại tìm cách khai thác lợi ích từ các tài sản trí tuệ. Đây là hình thức vi phạm phổ biến nhất mà chủ sở hữu bằng độc quyền sáng chế phải đối mặt. Thực hiện hoạt động xâm phạm lợi ích giúp cho người xâm phạm có được tài sản trí tuệ với chi phí thấp nhất. Tuy nhiên, xét về khía cạnh quan hệ lợi ích thì đây là một trong những hình thức gây méo mó quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, nhất là trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

c) Chiếm đoạt nhãn hiệu hàng hóa, bắt chước nhãn hiệu hàng hóa để sản xuất hàng giả, hàng nhái.

d) Hành vi động cơ không trung thực trong đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

Đó là hành vi liên quan tới việc gian lận một cách thực tế hoặc ý định khiến cho các chủ thể khác bị nhầm lẫn hoặc bị lừa dối hoặc các động cơ gây hại cho các chủ thể khác trong quá trình thực hiện lợi ích từ tài sản trí tuệ. Hình thức này xảy ra rất phổ biến đối với nhãn hiệu hàng hoá.

6. Quá trình hội nhập nền kinh tế thế giới

Hệ thống quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ của một quốc gia trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế lại chịu sự tác động của môi trường thể chế kinh tế toàn cầu. Trong hệ thống kinh tế toàn cầu đó, có những nhân tố có tác động tới quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ như: các dòng thương mại, đầu tư quốc tế, các xu hướng hình thành các thể chế thương mại khu vực và thế giới. Trong số đó, đặc biệt phải kể tới vai trò tác động quan trọng của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) với trụ cột là Hiệp định TRIPs tới sự hình thành quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ thế giới và của từng quốc gia. Theo đó, các quốc gia thành viên của WTO phải xây dựng hệ thống cơ chế bảo đảm thực thi lợi ích cho các chủ thể sở hữu tài sản trí tuệ theo chuẩn mực của TRIPs. Quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ của từng quốc gia vì thế bị biến đổi. Ví dụ trường hợp của Ấn Độ, ngày 01 tháng Giêng năm 2005 là thời hạn chót WTO quy định Ấn Độ phải sửa chữa và bổ sung luật bằng sáng chế của

mình, chấm dứt mấy thập kỷ chính sách cho phép các công ty dược phẩm của nước này, lớn cũng như nhỏ, được sản xuất những chế phẩm rẻ tiền thay cho các sản phẩm đắt tiền của các hãng phương Tây. Luật bằng sáng chế mới sẽ tác động đến lợi ích của các doanh nghiệp Ấn Độ và đặc biệt là đến lợi ích của các công nhân và người tiêu dùng nghèo theo xu hướng làm gia tăng chi phí và thiệt hại phúc lợi xã hội. Tương tự như vậy, cũng theo quỹ định của TRIPs mà làm cho quan hệ lợi ích trọng lĩnh vực sở hữu trí tuệ của Irắc biến đổi méo mó. Kết quả là lợi ích của việc bảo hộ này lại nghiêng về các tập đoàn tư bản đến Irắc dưới bình phong “tái thiết” như “Monsanto”, “Syngnta”, “Bayer”.

Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của một quốc gia, mặc dù chịu sự chi phối bởi sự tác động của hệ thống quan hệ lợi ích sở hữu trí tuệ thế giới, nhưng ứng với mỗi quốc gia có một hệ thống quan hệ lợi ích phản ánh đặc trưng của quốc gia đó cả về trình độ phát triển cũng như phạm vi tác động đến hoạt động kinh tế - xã hội của tái sản xuất.

Trên phạm vi thế giới, có sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các quốc gia, có cách tiếp cận lợi ích khác nhau. Các nước phát triển nhất quán việc bảo hộ chặt cho quyền sở hữu trí tuệ cũng là để bảo vệ lợi ích, đặc biệt chú ý tới việc xác lập độc quyền sở hữu, số đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trên phạm vi thế giới gia tăng mạnh trong những năm gần đây.

Xét tại từng cơ quan đăng ký bảo hộ của các quốc gia và khu vực, số đơn nộp trực tiếp tại các cơ quan này của các chủ thể sở hữu trí tuệ có số lượng rất lớn.

Bảng 3: Xác lập độc quyền sở hữu trí tuệ nộp tại Cơ quan đăng ký bảo hộ sáng chế châu Âu (EPO) và Cơ quan đăng ký sáng chế Hoa Kỳ (USPTO) của một số nước thuộc Tổ chức Hợp tác phát triển kinh tế (OECD)

Nước	Đơn nộp tại EPO	Đơn nộp tại USPTO
Pháp	247.702	158.859
Đức	682.224	379.882
Nhật Bản	833.426	899.225
Anh	211.610	175.165

Hoa Kỳ	996.236	2.771.487
Italia	125.029	65.888

Nguồn : *REGPAT and PASTAT database, 2008, p . 19 – 20 .*

Các con số trong Bảng 3 chứng tỏ sự quan tâm bảo hộ không chỉ ở phạm vi trong nước mà còn ở cả các quốc gia và khu vực có trình độ phát triển. Trong đó, số lượng đơn của các nước phát triển nộp để bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ tập trung tại các cơ quan như: cơ quan đăng ký sáng chế Châu Âu (EPO), Cơ quan đăng ký sáng chế Hoa Kỳ (USPTO). Các chủ thể sở hữu trí tuệ thuộc khu vực Bắc Mỹ, Nhật Bản và Liên minh châu Âu (EU) thì thường ưu tiên nộp đơn tại Cơ quan USPTO, chiếm tới 80%, đồng thời nộp theo hình thức Hiệp ước về hợp tác trong lĩnh vực đăng ký sáng chế (PCT) là 41%, còn tỷ lệ nộp đơn tại EPO là 34% và Cơ quan sở hữu trí tuệ Nhật Bản (JPO) là 23%, Cơ quan sở hữu trí tuệ Trung Quốc là 15%. Đối với cư dân châu Âu, hướng nộp đơn chủ yếu tại EPO, là 56% theo hình thức PCT là 43%. Trong khi đối với các chủ thể châu Á thì lại tập trung nộp tại JPO với 47%, 22% nộp tại cơ quan USPTO và 19% tại EPO. Trong khi đó, các quốc gia đang phát triển lại thiên về ủng hộ quan điểm bảo hộ ở mức độ hợp lý để một mặt vừa thúc đẩy sáng tạo, mặt khác tạo điều kiện để có thể chuyển giao được những công nghệ phù hợp. Mỗi sự dịch chuyển của tài sản trí tuệ sẽ tạo tiền đề để hình thành quan hệ lợi ích ở những phạm vi khác nhau. Điều đó có nghĩa là: khi cấu trúc quan hệ kinh tế của một quốc gia chịu sự tác động mạnh mẽ của các dòng hàng hoá, dịch vụ, đầu tư, chuyển giao công nghệ thì đó cũng là thời điểm mà quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ chịu sự chi phối bởi dòng vận động đó.

Liên quan mật thiết đến sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực thương mại, phải kể tới sự gia tăng mạnh mẽ của dòng thương mại các hàng hoá có hàm lượng trí tuệ cao như ngành Dược phẩm, Công nghệ thông tin, bao gồm cả dòng xuất và nhập khẩu. Chỉ tính trong một thập kỷ từ năm 1990 đến năm 2000, dòng thương mại thể giới đóng góp trong GDP, xét đối với một số ngành sản phẩm công nghệ cao ở một số khu vực quốc gia như các nước OECD, giá trị xuất khẩu của các ngành Dược, Công nghệ thông tin, Hoá phẩm đã đóng góp giá trị từ 127 tỷ USD năm 1990 chiếm 23,8% GDP lên 166 tỷ USD, chiếm 25,5% năm 2000; với các nước đang phát triển là thành viên của WTO tương ứng trong thời gian này là 8 tỷ USD, chiếm 27,3% GDP và 16,9 tỷ USD, chiếm 38,3% GDP; dòng nhập khẩu

của OECD đối với các ngành nói trên là 128 tỷ USD chiếm 24,2% GDP năm 1990 và 182 tỷ USD, chiếm 24,7% GDP năm 2000; và tương ứng đối với các nước, đang phát triển là thành viên của WTO lần lượt là 7,6 tỷ USD, chiếm 33,9% GDP và 16,5 tỷ USD, chiếm 34,3% GDP .

Khái quát lại, quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ chịu tác động của nhiều nhân tố. Mỗi nhân tố lại tác động tới các khía cạnh và các chủ thể khác nhau. Do vậy, việc xây dựng cơ chế bảo hộ sở hữu trí tuệ nhằm tạo sự cân bằng cần thiết về lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế cần chú ý tới tác động tổng hợp của các nhân tố đó. Sẽ là sai lầm khi cho rằng, giải quyết quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ chỉ bằng việc xây dựng và ban hành một bộ luật chuyên ngành về lĩnh vực này. Việc giải quyết những xung đột lợi ích trước hết căn cứ vào luật pháp quốc tế, nhưng luật pháp đó phải được đặt trong điều kiện của từng quốc gia. Để có thể hài hoà được quan hệ lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ thì vấn đề không đơn giản chỉ là việc dành nỗ lực vào điều chỉnh quan hệ giữa con người với nhau, mà hơn thế, còn phải dành nỗ lực vào việc thúc đẩy sự phát triển của các tài sản trí tuệ, nguồn gốc phát sinh lợi ích trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ.



TTBD ĐBDC